

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án: Thủy điện Đăk Pek tại Báo cáo số 463/BC-HĐTĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Thủy điện Đăk Pek (đã chỉnh sửa, bổ sung) gửi kèm theo Văn bản số 64/CV-ĐP ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Pek;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 351/TTr-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Pek (địa chỉ Văn phòng tại Thôn 14A, thị trấn Đăk Gle, huyện Đăk Gle, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Thủy điện Đăk Pek, với các nội dung như sau⁽¹⁾:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

- Tên dự án đầu tư/cơ sở: Thủy điện Đăk Pek.
- Địa điểm hoạt động: xã Đăk Pek, huyện Đăk Gle, tỉnh Kon Tum.
- Giấy đăng ký kinh doanh:

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 18 tháng 11 năm 2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 6101272755 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 4 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 6101272755.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở: Công suất lắp máy 10,2 MW.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Pek được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Pek có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép triển khai đầu tư xây dựng Dự án sau khi đáp ứng điều kiện sau: Được cấp có thẩm quyền có văn bản chấp thuận điều chỉnh Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Sê San thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*quy mô 10,2 MW*) và hoàn thành các thủ tục pháp lý có liên quan của Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp phép*).

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị liên quan

- Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về: Quy trình thực hiện; dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình cấp giấy phép môi trường của dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (*t/h*);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh (*để biết*);
- Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án (*t/h*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*t/h*);
- UBND huyện Đắk Glei (*t/h*);
- UBND xã Đắk Pek (*t/h*);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh (*c/bố*);
- Trang Thông tin điện tử Sở TN&MT (*c/bố*);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN_{HVT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy.
- Nguồn số 02: Nguồn nước thải sản xuất (nước rò rỉ nhiễm dầu mỡ trong nhà máy).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đăk Pô Cô phía hạ lưu nhà máy thủy điện.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.
- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy. Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 1669283; Y (m) = 526506.
- Dòng số 2: Nước thải sản xuất. Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 1669284; Y (m) = 526503.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 7,1 m³/ngày đêm (0,296 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hệ thống ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận.
- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước:
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: Tự chảy.
 - + Đối với nước thải sản xuất: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy bảo đảm đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - cột B với hệ số K= 1,2).

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200
5	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	4,8
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	12
7	NO ₃ ⁻	mg/l	60
8	PO ₄ ³⁻	mg/l	12
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Dòng số 02: Nước thải sản xuất bảo đảm đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT - cột A với hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,2).

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Độ màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	32,4
5	COD	mg/l	81
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54
7	Sắt	mg/l	1,08
8	Tổng phenol	mg/l	0,108
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
10	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,216
11	Amoni	mg/l	5,4
12	Tổng nitơ	mg/l	21,6
13	Tổng phot pho	mg/l	4,32
14	Clo dư	mg/l	1,08
15	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

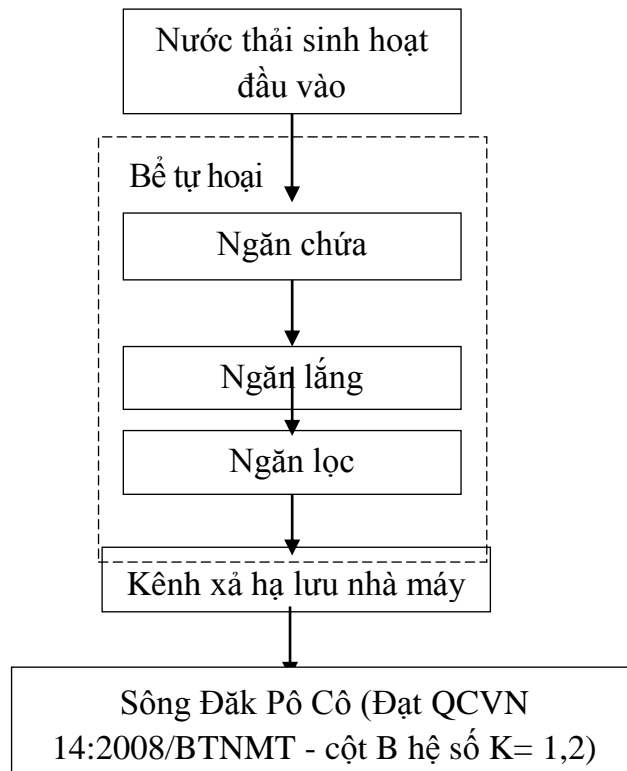
- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống PVC D90 từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm phía bên ngoài nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất: Được thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn nước PVC D100 vào hệ thống xử lý nước rò rỉ để xử lý nước thải lần đầu tại khu vực nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên ngoài nhà máy có dung tích thiết kế là $7,5 \text{ m}^3$, đảm bảo khả năng xử lý đối với số lượng công nhân tại nhà máy. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

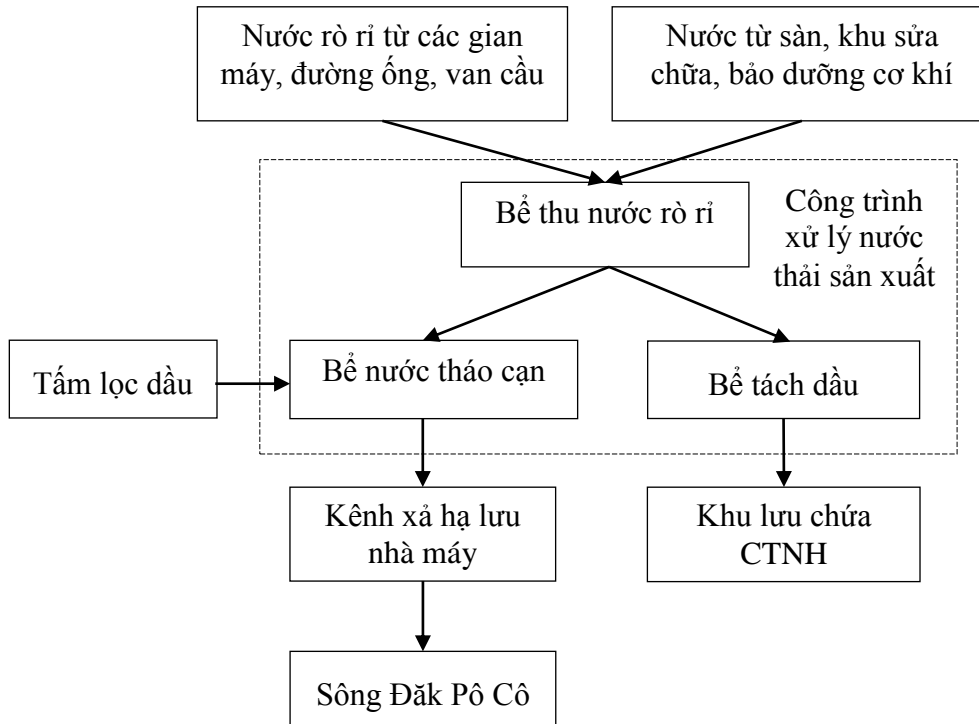
+ Chế phẩm vi sinh: 2,25 kg/ngày;

+ Hóa chất khử trùng: 0,15 kg/ngày.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất được thu gom, xử lý tại

hệ thống xử lý có dung tích thiết kế là 177,28 m³ theo phương pháp cơ học sau đó bơm ra nguồn tiếp nhận. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định; Tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh bể tự hoại.

+ Thường xuyên nạo vét bùn cặn nhằm tăng khả năng lắng của nước thải sinh hoạt.

+ Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, thông đường ống tắc nghẽn, thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

+ Bố trí tấm lọc dầu thải trong bể chứa nước sau xử lý nếu như hàm lượng dầu sót lại cao.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 45 ngày kể từ khi hoàn thành công trình xử lý chất thải của dự án và dự án bắt đầu tích nước thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải sinh hoạt: 01 vị trí: Đầu ra sau xử lý của bể tự hoại.
- Nước thải sản xuất: 02 vị trí: Đầu vào trước xử lý tại bể thu nước thải; đầu ra sau xử lý tại bể chứa nước sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, S²⁻, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất hoạt động bề mặt, Coliform.
 - + Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- Nước thải sản xuất:
 - + Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, BOD₅, COD, TSS, Fe, tổng Phenol, tổng dầu mỡ khoáng, S²⁻, NH₄⁺, tổng N, tổng P, Clo dư, Coliform.
 - + Quy chuẩn so sánh: cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn vận hành ổn định:
 - + Nước thải sinh hoạt: Lấy mẫu 3 ngày liên tiếp từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.
 - + Nước thải sản xuất trước xử lý: Lấy 01 mẫu sau ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.
 - + Nước thải sản xuất sau xử lý: Lấy mẫu 3 ngày liên tiếp từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện xây dựng đường ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí tiếp nhận, đảm bảo không xả nước thải vào hệ thống mương thủy lợi, ruộng đất canh tác của người dân xung quanh khu vực dự án.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 160 kVA.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 50 kVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí: Xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

+ Dòng khí thải số 01: Ống thải của máy phát điện dự phòng công suất 160 kVA, toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1669284; Y = 526503.

+ Dòng khí thải số 02: Ống thải của máy phát điện dự phòng công suất 50 kVA, toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1669283; Y = 526503.

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.548 m³/giờ (0,43 m³/s).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả theo thời gian phát điện dự phòng.

2.3.3. Chất lượng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Bụi tổng	mg/m ³	200
2	CO	mg/m ³	1000
3	SO ₂	mg/m ³	500
4	NO _x	mg/m ³	850

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đáp ứng quy định về giá trị giới cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và ngừng ngay việc xả thải.

3.2. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xả khí thải của mình gây ra theo quy định. Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu chất lượng môi trường không khí xung quanh dự án.

Phụ lục 3
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực đặt tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí: Xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.
- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí: X = 1669284; Y = 526503.
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí: X = 1669283; Y = 526503.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thông số	Đơn vị	Thời gian áp dụng trong ngày		Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng nhà máy thủy điện với kết cấu bê tông cốt thép vững chắc chống chấn động. Các thiết bị gây ồn lớn như turbine, máy phát điện, máy nén khí bố trí để giảm thiểu tiếng ồn và rung động.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết mau mòn.

- Lắp đặt các tấm đệm cao su hoặc xốp cho các thiết bị để giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Trang bị các đầy đủ dụng cụ ợp tai chống ồn và bắt buộc công nhân phải sử dụng khi tiếp xúc những nơi có độ ồn lớn.

- Có chế độ giải lao và chế độ chuyển ca hợp lý cho công nhân nhằm giảm tiếp xúc với tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp thiết bị, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết và thường kỳ cho bôi trơn dầu vào máy móc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,4
2	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	10
3	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	1,5
4	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	2
5	Các loại sáp và mỡ thải	18 01 02	0,3
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 03	1
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 02 01	2
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	19 02 01	0,3
9	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ các bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	0,5
10	Ắc quy chì thải	19 06 01	0,3
Tổng			18,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng thực vật phát quang giải phóng mặt bằng và thu dọn lòng hồ khoảng 13,70 tấn.

- Khối lượng đất đá thải của dự án khoảng 198.020 m³.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 157,5 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: 06 thùng dung tích 60 lít, 02 thùng dung tích 120 lít và 02 thùng phuy dung tích 200 lít tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền cao được lát bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bãi thải số 1: Diện tích bãi thải khoảng 6.061,1 m², có sức chứa khoảng 70.960 m³.

- Bãi thải số 2: Diện tích bãi thải khoảng 5.930,5 m², có sức chứa khoảng 51.398 m³.

- Bãi thải số 3: Diện tích bãi thải khoảng 5.595,3 m², có sức chứa khoảng 81.068 m³.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa dung tích 60 lít bố trí tại khu vực văn phòng, 01 thùng nhựa dung tích 180 lít bố trí bên ngoài nhà máy.

2.3.2. Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ việc đổ đất, đá thải xây dựng tại các bãi thải trong quá trình thi công, xây dựng theo đúng vị trí, thiết kế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; thực hiện kê gia cố chân các bãi thải trong quá trình đổ thải, không để sạt lở bồi lấp suối, vùng trũng.

- Thực hiện biện pháp đảm bảo vận hành an toàn công trình và an toàn hạ lưu.
- Thực hiện biện pháp giảm thiểu sạt lở, tái tạo, biến đổi dòng chảy bùn cát và bồi lắng lòng hồ.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai.
- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Biện pháp xói mòn, xói lở, bồi lắng: Theo dõi đánh giá mức độ ảnh hưởng của bùn cát đến hồ để đánh giá hiệu quả vận hành. Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; thực hiện các giải pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông được nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an toàn cho các hồ, đập, nhu cầu sử dụng nước cho các dự án thủy điện liên kề và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu đập.

- Duy trì lưu lượng dòng chảy tối thiểu đoạn sông sau tuyến đập theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa đập dâng; đảm bảo các nhu cầu sử dụng nước tưới tiêu nông nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu sau đập.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Việc đầu tư xây dựng và vận hành dự án khi phù hợp với quy hoạch tổng thể lưu vực sông Sê San được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo không ảnh hưởng đến các dự án thủy điện liền kề phía thượng, hạ lưu trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các công trình giao thông, thủy lợi trong khu vực và các quy hoạch, kế hoạch: phát triển kinh tế xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên nước, phát triển điện lực; đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan khác.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp, Luật Đầu tư... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành hoạt động gây nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.
